

Bản án số: 40/2021/DS-PT

Ngày: 01/9/2021

V/v: "Tranh chấp quyền sử dụng đất"

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Ngô Thị Trang**

*Các thẩm phán:*

1. Ông **Hàng Lâm Viên**

2. Ông **Nguyễn Văn Được**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Bùi Thị Hoàng Xuân** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa:** Ông **Nguyễn Văn Thắng** – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 19/2021/TLPT-DS ngày 11 tháng 5 năm 2021 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 46/2021/QĐPT-DS ngày 12/7/2021; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở lại phiên tòa số 18/TB-TA ngày 19/7/2021; Thông báo thời gian mở lại phiên tòa số 37/TB-TA ngày 18/8/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2021/QĐ-PT ngày 27/8/2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông **Lê Q**, sinh năm: 1963 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận

**- Người đại diện theo uỷ Q của nguyên đơn:** Ông **Lê Khắc H**, sinh năm 1961. (Có mặt)

**- Người bảo vệ Q và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:** Bà **Trần Thanh T** - Luật sư văn phòng luật sư T. (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Số N, đường H, thị trấn P, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

**- Bị đơn:** Ông **Nguyễn Văn P**, sinh năm: 1955 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận

**- Người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông **Phạm Văn K**, sinh năm 1975 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn A, xã L, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận

2. Bà **Phạm Thị L**, sinh năm 1965 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận

### 3. Ủy ban nhân dân xã B, huyện Thuận Bắc.

*Đại diện theo pháp luật:* Ông Tôn Long D - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Bắc Sơn. (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận.

- *Người kháng nghị:* Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Bắc.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện ngày 02/4/2020 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Lê Q uỷ Q cho ông Lê Khắc H trình bày:*

Ngày 05/4/1991, ông Lê Q và ông Dương O có làm đơn xin phục hóa 25.000m<sup>2</sup> đất tại khu Rọ Bò (nay thuộc thôn N, xã B). Ngày 12/4/1991, Ủy ban nhân dân xã H đồng ý xác nhận cho phép ông Q và ông O phục hoá 25.000m<sup>2</sup> đất như đã nêu trên. Do hoàn cảnh khó khăn nên ông O không canh tác, sản xuất mà thoả thuận giao lại toàn bộ diện tích đất cho ông Q. Ngày 10/02/1999, ông Lê Q có đơn đăng ký cấp quyền sử dụng đất đối với diện tích 22.400m<sup>2</sup>. Đến ngày 15/10/2001, Ủy ban nhân dân huyện Ninh Hải ra quyết định số 191/QĐ-UB về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 13 hộ gia đình và cá nhân thôn C, xã Phương Hải. Trong đó ông Lê Q được cấp quyền sử dụng diện tích 22.400m<sup>2</sup> thuộc thửa số 26, tờ bản đồ số 01 xã Phương Hải. Đến ngày 23/10/2001, ông Q được Ủy ban nhân dân huyện Ninh Hải cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S.60176 với diện tích 12.800m<sup>2</sup>. Ông Lê Q chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích 9.600m<sup>2</sup> còn lại. Khi đó ông Q có đến Ủy ban nhân dân huyện hỏi lý do tại sao không cấp giấy chứng nhận cho ông phần diện tích 9.600m<sup>2</sup>, Ủy ban nhân dân huyện trả lời là sẽ cấp sau. Vào ngày 06/10/2002, ông Lê Q có lập “*Giấy chuyển nhượng đất màu*” (viết tay) chuyển nhượng cho ông Phạm Văn K diện tích 12.800m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 26, tờ bản đồ 01 xã Phương Hải với số tiền 45.000.000 đồng. Khi chuyển nhượng ông Q có nói ông còn diện tích 9.600m<sup>2</sup> đất giáp diện tích đất chuyển nhượng cho ông K chưa được cấp giấy chứng nhận Q sử dụng đất và chỉ cho ông K mượn canh tác trồng cỏ, cây ngắn ngày, không được trồng cây lâu năm hay xây dựng gì trên đất. Sau khi nhận chuyển nhượng, ông K làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất đối với diện tích 12.800m<sup>2</sup> đất và được UBND huyện Ninh Hải cấp quyền sử dụng đất số 006224 cấp ngày 17/11/2003. Sau đó do không có khả năng sản xuất nên ngày 05/12/2003, ông K đã chuyển nhượng lại diện tích 12.800m<sup>2</sup> đất này cho vợ chồng ông Nguyễn Văn P và bà Phạm Thị L. Sau khi nhận chuyển nhượng 12.800m<sup>2</sup> đất, ông Nguyễn Văn P và Phạm Thị L vẫn canh tác trên diện tích 9.600m<sup>2</sup> mà ông Q chỉ tạm giao cho ông Phạm Văn K. Hiện nay ông Q có nhu cầu sử dụng diện tích 9.600m<sup>2</sup> đất trên nên yêu cầu vợ chồng ông P, bà L trả lại nhưng vợ chồng ông P, bà L không đồng ý. Vì vậy nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn P, bà Phạm Thị L trả lại diện tích 9.600m<sup>2</sup> đất

(diện tích thực tế  $8.696m^2$ ) thuộc khu vực đất Rò Bò nay thuộc thôn B, xã B, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận cho ông Lê Q.

Nguyên đơn ông Lê Q hoàn toàn thống nhất với nội dung trình bày của ông Lê Khắc H và không có ý kiến bổ sung gì thêm.

*Bị đơn ông Nguyễn Văn P trình bày:* Vào ngày 05/12/2003 vợ chồng ông nhận sang nhượng diện tích  $12.800m^2$  đất, thửa đất số 26a, tờ bản đồ số 01 xã Phương Hải với ông Phạm Văn K. Ông K và vợ chồng ông có lập hợp đồng chuyển nhượng và có sự chứng thực của Ủy ban nhân dân xã Phương Hải theo quy định. Khi chuyển nhượng ông K và vợ chồng ông chỉ chuyển nhượng phần diện tích  $12.800m^2$ , các bên không chuyển nhượng diện tích  $9.600m^2$  vì biết diện tích đất này là đất dự phòng của xã. Sau khi chuyển nhượng vợ chồng đã làm thủ tục sang tên chủ sử dụng đất đối với diện tích  $12.800m^2$  đất này. Vợ chồng ông đã canh tác trên toàn bộ diện tích  $12.800m^2$  và  $9.600m^2$  đất từ khi nhận chuyển nhượng đến nay. Thời điểm đó Ủy ban nhân dân xã Phương Hải có ý kiến cho rằng vợ chồng ông có thể trồng cỏ, cây ngắn hạn trên diện tích đất  $9.600m^2$  đất này chứ không được trồng cây lâu năm hay xây dựng công trình gì trên diện tích đất này vì đây là đất dự phòng của xã, mục đích một phần để vợ chồng ông giữ đất cho xã. Vì vậy, vợ chồng ông chỉ nhận chuyển nhượng diện tích  $12.800m^2$  đất của ông Phạm Văn K, việc chuyển nhượng này là hợp pháp và đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận Q sử dụng đất cho vợ chồng ông. Vợ chồng ông canh tác ổn định, không có ai tranh chấp gì. Riêng đối với diện tích  $9.600m^2$ , đây là đất dự phòng của Ủy ban nhân dân xã cho vợ chồng ông canh tác tạm, nếu sau này Ủy ban nhân dân xã không cho canh tác nữa thì vợ chồng ông sẽ trả lại cho Ủy ban nhân dân xã. Do đó, vợ chồng ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Q buộc vợ chồng ông phải trả lại diện tích  $9.600m^2$  đất (diện tích thực tế  $8.696m^2$ ) mà vợ chồng ông đã tạm canh tác, sử dụng cho ông Lê Q.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị L trình bày:* Bà thống nhất như lời trình bày của ông Nguyễn Văn P, không bổ sung ý kiến gì.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn K trình bày:* Ông xác định ông có nhận chuyển nhượng diện tích  $12.800m^2$  từ ông Lê Q, sau đó ông tiếp tục chuyển nhượng lại diện tích đất này cho vợ chồng ông Phương, bà L. Việc các bên chuyển nhượng là hoàn toàn hợp pháp. Ông biết nguồn gốc diện tích  $12.800m^2$  đất đã được cấp quyền sử dụng đất cho ông Q nên mới nhận chuyển nhượng. Đối với diện tích  $9.600m^2$  đất giáp diện tích  $12.800m^2$  ông nghe Ủy ban nhân dân xã Phương Hải nói đây là đất dự phòng của xã. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn ông không có ý kiến gì và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân xã B do ông Sầm Văn T đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng trình bày:

Diện tích  $12.800m^2$  đất vợ chồng ông P, bà L hiện đang sử dụng có nguồn gốc từ ông Lê Q và đã được Ủy ban nhân dân huyện Ninh Hải cấp Q sử dụng đất số 006224 cấp ngày 23/10/2001. Sau đó ông Q chuyển nhượng cho ông K, ông K chuyển nhượng lại cho vợ chồng ông Nguyễn Văn P, bà Phạm Thị L.

Còn đối với với 9.600m<sup>2</sup> (diện tích thực tế là 8.696m<sup>2</sup>) thuộc thửa đất số 502, phần diện tích đất này từ khi tách xã B đến nay ông Lê Q không đến xã B đăng ký, kê khai, cũng không canh tác, sử dụng. Ông Q cũng không xác định được chính xác vị trí đất. Theo sổ mục kê năm 2003 và được hoàn chỉnh năm 2004 ghi nhận diện tích 23.740m<sup>2</sup> tên Q chứ không ghi nhận tên Lê Q. Phần diện tích đất 8.696m<sup>2</sup> thửa số 502, tờ bản đồ số 32 xã Bắc Sơn hiện nay các đương sự đang tranh chấp không thuộc đất dự phòng của Ủy ban nhân dân xã Bắc Sơn. Diện tích đất này hiện nay ông P, bà L đang canh tác, sử dụng trái phép.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận đã quyết định:

*Căn cứ vào: Khoản 9 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 165, Điều 166 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 20, Điều 24 và Điều 36 Luật đất đai 1993; Điều 690 của Bộ luật dân sự 1995; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.*

*Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Q.*

*Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn P, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị L phải chấm dứt việc quản lý, sử dụng trái phép diện tích 8.696m<sup>2</sup> đất thuộc thửa số 502, tờ bản đồ số 32 xã Bắc Sơn nằm trong phần diện tích 22.400m<sup>2</sup> đất mà Ủy ban nhân dân huyện Ninh Hải đã giao cho ông Lê Q theo quyết định số 191/QĐ-UB ngày 15/10/2001.*

*Giao cho ông Lê Q quản lý, sử dụng diện tích 8.696m<sup>2</sup> đất thuộc thửa số 502, tờ bản đồ số 32 xã Bắc Sơn. Vị trí tứ cận như sau: Phía đông giáp đất bà Lê Thị T, phía tây giáp thửa số 501, phía nam giáp đường đi, phía bắc giáp đất ông Trần Văn T. (theo đo đạc địa chính khu đất ngày 02/12/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Ninh Thuận chi nhánh Thuận Bắc). Ông Lê Q có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.*

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 13/4/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Bắc đã kháng nghị toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện Thuận Bắc và đề nghị: sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn là ông Lê Q vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.*

*Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận giữ nguyên nội dung Quyết định kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS-DS ngày 13/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Bắc*

*Tại phiên tòa, người bảo vệ Q và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn và nguyên đơn tranh luận: đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Thuận Bắc.*

*Tại phiên tòa bị đơn tranh luận: đồng ý với kháng nghị của VKSND huyện Thuận Bắc. Đây là đất thuộc quỹ đất dự phòng của Ủy ban nhân dân xã B tôi chỉ đồng ý giao đất lại cho Ủy ban nhân dân xã B.*

Tại phiên tòa, đại diện UBND xã Bắc Sơn tranh luận: nhất trí với kháng nghị và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

*Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận tranh luận và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán, Thư ký tham gia phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: chấp nhận toàn bộ kháng nghị, áp dụng khoản 2 Điều 308, sửa Bản án sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quyết định kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS-DS ngày 13/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Bắc làm trong thời hạn luật định nên được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết của vụ án “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” là có căn cứ.

[3] Về nội dung: Xét nội dung kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS-DS ngày 13/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Bắc đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhận thấy:

[3.1] Theo nguyên đơn trình bày: nguồn gốc diện tích đất tranh chấp do nguyên đơn và ông Dương O khai hoang, phục hoá năm 1991 (BL 29). Ngày 15/10/2001, Ủy ban nhân dân huyện Ninh Hải có quyết định số 191/QĐ-UB (BL 26) giao cho ông sử dụng diện tích 22.400m<sup>2</sup> đất thuộc thửa số 26, tờ bản đồ số 01 xã Phương Hải. Ngày 23/10/2001, ông đã được Ủy ban nhân dân huyện Ninh Hải cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 006224 diện tích 12.800m<sup>2</sup>. Diện tích còn lại 9.600m<sup>2</sup> đất theo đo đạc thực tế là 8.696m<sup>2</sup> ông chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2003 ông chuyển nhượng cho ông Phạm Văn K diện tích 12.800m<sup>2</sup>, sau đó ông K chuyển nhượng lại cho vợ chồng ông Nguyễn Văn P, bà Phạm Thị L.

[3.2] Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận: vợ chồng ông P bà L đang quản lý sử dụng diện tích 12.800m<sup>2</sup> nhận chuyển nhượng từ ông Phạm Văn K và 8.696m<sup>2</sup> đất đang tranh chấp chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cũng thừa nhận: sau khi chuyển nhượng đất cho ông K vào năm 2003 thì nguyên đơn cũng không trực tiếp canh tác trên diện tích 8.696m<sup>2</sup> đất đang tranh chấp.

[3.3] Tại phiên tòa, đại diện UBND xã B - ông Tôn Long D trình bày: Năm 2001, ông Lê Q được Ủy ban nhân dân huyện Ninh Hải cấp giấy chứng nhận Q sử dụng đất đối với 12.800m<sup>2</sup>, diện tích đất còn lại dự kiến giao cho bà Mai Thị R nhưng bà R không đồng ý và có khiếu nại yêu cầu phải giao cho bà toàn bộ diện tích 22.400m<sup>2</sup> trong đó có 12.800m<sup>2</sup> đất đã được cấp giấy chứng nhận cho hộ ông Lê Q. Diện tích đất đang tranh chấp hiện là đất công do UBND xã Bắc Sơn đang quản lý. Mặt khác, bà Mai Thị R vẫn đang khiếu nại đòi lại toàn bộ đất trước đây (22.400m<sup>2</sup>) đã giao cho HTX nông nghiệp B.

[3.4] Tại văn bản số 2246/UNMD-NC ngày 01/7/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Thuận Bắc trả lời về nguồn gốc diện tích đất số 8.696m<sup>2</sup> đất thuộc thửa số 502, tờ bản đồ số 32 xã B đang tranh chấp như sau (BL 178):

*“Nguồn gốc thửa đất 8.696m<sup>2</sup> đất thuộc thửa số 502, tờ bản đồ số 32 xã B, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận do (ông Mai Tấn C) cha đẻ của bà Mai Thị R khai hoang trước năm 1975. Năm 1978, UBND huyện Ninh Hải có chủ trương giao đất cho Tập đoàn sản xuất kinh tế Rò Bò sản xuất. Do điều kiện sản xuất không thuận lợi nên tập đoàn kinh tế Rò Bò không sản xuất. UBND huyện Ninh Hải giao đất lại cho Hợp tác xã Bình Nghĩa tổng diện tích 34,8 ha theo quyết định 121/QĐ/UB.NH ngày 19/10/1988. Từ năm 1988 HTX Bình Nghĩa không tổ chức quản lý hoặc không giao lại cho các hộ trước đây để sử dụng.*

*Ngày 05/4/1991 ông Lê Q, ông Dương O có đơn xin phục hóa diện tích 2,5ha tại thửa đất trên và được Ủy ban nhân dân xã Phương Hải chấp thuận ký ngày 12/4/1991. Năm 1997, bà Mai Thị R có đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân xã Phương Hải, UBND huyện Ninh Hải xem xét, giải quyết. Diện tích còn lại 8.696m<sup>2</sup> Ủy ban nhân dân huyện Ninh Hải chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Q, bà Mai Thị R đang tranh chấp đòi lại đất do cha mẹ để lại. Diện tích 8.696m<sup>2</sup> từ năm 1997 đến nay không ai canh tác, sử dụng, tác động trên đất. Do không ai sử dụng, canh tác nên UBND xã B vẫn quản lý từ năm 1997 đến nay. Chưa đề nghị cấp Giấy chứng nhận cho tổ chức, cá nhân nào. Mặt khác, vì bà Mai Thị R vẫn đang khiếu nại đòi lại toàn bộ đất trước đây đã giao cho HTX nông nghiệp Bình Nghĩa. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả lại diện tích theo đo đạc thực tế là 8.696m<sup>2</sup> là không có căn cứ.*

[4] Từ những phân tích, đánh giá chứng cứ như trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận tranh luận của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn; Chấp nhận kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS-DS ngày 13/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Bắc

và chấp nhận toàn bộ đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Thuận Bắc theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5]. Về án phí và chi phí tố tụng:

*Về chi phí tố tụng:* Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định, đo đạc tài sản số tiền 3.355.000 đồng và đã nộp đủ.

*Về án phí:*

Do bác yêu cầu khởi kiện nên nguyên đơn ông Lê Q phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

#### **Tuyên bố:**

Chấp nhận Quyết định kháng nghị dân sự phúc thẩm số 01/QĐKNPT-VKS-DS ngày 13/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận.

Căn cứ vào: khoản 9 Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 100 Luật đất đai 2013; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Q về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn P, bà Phạm Thị L trả lại diện tích đất 8.696m<sup>2</sup> đất thuộc thửa số 502, tờ bản đồ số 32 xã B, huyện Thuận Bắc.

#### **Về án phí dân sự:**

Ông Lê Q phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019599 ngày 20/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận. Ông Q đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Dương sự (5);
- VKSND tỉnh Ninh Thuận (1);
- TAND huyện Thuận Bắc (1);
- Chi cục THADS huyện Thuận Bắc (1);
- Phòng KTNV&THA (1);
- Lưu hồ sơ, án văn, HC-TP (3);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Ngô Thị Trang**